

Số: /BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2019
của tỉnh Đồng Nai**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh

Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích tự nhiên hơn 5.900 km². Phía Đông của tỉnh giáp tỉnh Bình Thuận, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Bình Phước. Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông Thành phố Hồ Chí Minh - là một trung tâm kinh tế lớn của cả nước và khu vực phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ, bởi các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 51, Quốc lộ 20, Quốc lộ 56, với tổng chiều dài 237km và tuyến đường sắt Bắc - Nam.... Vì thế, Đồng Nai được coi như là “bản lề chiến lược” giữa bốn vùng của các tỉnh phía Nam. Nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng Nai nằm trong vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Địa hình tương đối bằng phẳng, thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam gồm 3 dạng chủ yếu: Địa hình đồi núi thấp, độ cao 200 - 800m, chiếm 8% diện tích tự nhiên; Địa hình đồng bằng lượn sóng có độ cao 20 - 200m chiếm 80% diện tích tự nhiên; Địa hình bãi bồi ven sông Đồng Nai có độ cao dưới 20m, chiếm 12% diện tích tự nhiên. Đất đai phong phú, phì nhiêu, với 3 nhóm chung gồm: các loại đất hình thành trên đá bazan, các loại đất hình thành trên phù sa cổ và trên đá phiến sét, các loại đất hình thành trên phù sa mới. Trong tổng diện tích tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp chiếm 49,1%, diện tích đất lâm nghiệp chiếm 30,4%, diện tích đất chuyên dùng chiếm 13%, diện tích đất khu dân cư chiếm 2,1%, diện tích đất khác chiếm 5,4%. Tỉnh có nguồn nước khá dồi dào, cả nước mặt và nước ngầm, với hệ thống hồ chứa và sông ngòi khá nhiều. Rừng Đồng Nai có đặc trưng cơ bản của rừng nhiệt đới, có tài nguyên động, thực vật phong phú đa dạng, tiêu biểu là vườn quốc gia Nam Cát Tiên.

Đồng Nai là tỉnh có dân số đông (trên 03 triệu người), đồng dân thứ hai khu vực Đông Nam Bộ (sau Thành phố Hồ Chí Minh), trong đó 67,1% dân cư sống vùng nông thôn, dân số thành thị chiếm 32,9%, với hơn 30 dân tộc, trên 10

tôn giáo, trong đó nhiều nhất là công giáo, chiếm khoảng 35% dân số toàn tỉnh. Năm 2011, năm đầu bước vào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (09 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố), 171 đơn vị hành chính cấp xã (có 133 xã xây dựng nông thôn mới). Tổng giá trị sản phẩm nội địa (GRDP) trên địa bàn tỉnh năm 2011 tăng 13,32% so với năm 2010, trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 14,2%; dịch vụ tăng 14,9%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,9%. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, công nghiệp - xây dựng chiếm 57,3%; dịch vụ chiếm 35,2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,5%.

2. Thuận lợi

- Đồng Nai nằm vùng kinh tế trọng điểm phía nam, trung tâm đầu mối giao thông đối với các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ. Khí hậu, đất đai có nhiều thuận lợi, người dân Đồng Nai cần cù, chịu khó, năng động.

- Tỉnh có sự chủ động chỉ đạo ngay từ trước khi có Chương trình (chủ trương thực hiện nông thôn 04 có: có đời sống kinh tế được cải thiện; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; có đời sống văn hóa tốt - an ninh, an toàn đảm bảo; có môi trường sinh thái phát triển bền vững), đã tạo được những tiền đề, điều kiện thuận lợi ban đầu cho thực hiện Chương trình.

- Sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đã có bước phát triển theo hướng hàng hóa, sản xuất theo hướng tập trung và bước đầu đã đưa được công nghiệp chế biến phục vụ nông nghiệp. Hạ tầng nông thôn đã có bước phát triển, nhất là giao thông, điện, thủy lợi.

3. Khó khăn

- Đa dạng hóa về dân tộc và dân nhập cư từ nhiều tỉnh, thành, nên phong tục, tập quán, văn hóa, sản xuất không đồng nhất, khó khăn trong việc phát triển sản xuất hàng hóa lớn.

- Tác động ảnh hưởng của tốc độ phát triển công nghiệp, đô thị, sự gia tăng dân số cơ học cao, gây áp lực trong đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là về trường học, khó khăn trong công tác bảo vệ môi trường, công tác đảm bảo an ninh trật tự.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12/11/2015 của Quốc Hội khóa XIII về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới

Thông tư 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 29/12/2008 của Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”;

Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung bảng tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2010 tỉnh Đồng Nai;

Hướng dẫn số 78/BCĐ-VPĐP ngày 08/01/2014 của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh về việc dẫn đánh giá bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai;

Hướng dẫn số 01/BCĐ-VPĐP ngày 01/03/2017 của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Đồng Nai;

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tuy là tỉnh công nghiệp, cơ cấu ngành nông nghiệp chỉ chiếm tỉ trọng chưa tới 6%, nhưng Đồng Nai luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở vị trí chiến lược quan trọng và coi đây là cơ sở và lực lượng để phát triển bền vững trên địa bàn. Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tỉnh thực hiện với tinh thần “Chủ động, quyết tâm, quyết liệt” cả trước và trong thực hiện. Trước khi có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã chủ động xây dựng nông thôn 4 có (có đời sống kinh tế được cải thiện; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; có đời sống văn hóa tốt - an ninh, an toàn đảm bảo; có môi trường sinh thái phát triển bền vững), đã tạo được những tiền đề, điều kiện thuận lợi ban đầu cho thực hiện Chương trình. Ngay sau khi Trung ương ban hành Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa bằng Kế hoạch, Chương trình và Bộ tiêu chí nông thôn mới các giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020 của tỉnh để tổ chức thực hiện. So với Trung ương, bộ tiêu chí của tỉnh nhiều hơn về số lượng chỉ tiêu và có một số chỉ tiêu yêu cầu đạt ở mức cao hơn. Sau đạt chuẩn, ngay năm 2013, sau khi có 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tỉnh đã chủ động chủ trương ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, để nông thôn mới được tiếp tục phát triển, tránh tình trạng bằng lòng, thỏa mãn sau đạt chuẩn. Vì nếu không kịp thời chỉ đạo đối với công tác này, thì nông thôn mới sẽ có nguy cơ chững lại và tụt hậu.

Trong lãnh đạo chỉ đạo, tỉnh đã thành lập “Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020” ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã; bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp. Thành lập Văn

phòng Điều phối cấp tỉnh, 11 Văn phòng Điều phối cấp huyện và bố trí cán bộ chuyên trách cho 100% số xã xây dựng nông thôn mới.

Để quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, song song việc kiện toàn, củng cố nhân sự Ban Chỉ đạo tỉnh, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh trong đó phân công, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các thành viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cũng như trong phối hợp tổ chức thực hiện. Ban Chỉ đạo tỉnh duy trì tốt chế độ họp thường kỳ cũng như đột xuất, tổ chức thực hiện phối hợp tốt các nhiệm vụ giữa các thành viên Ban Chỉ đạo, giữa Ban Chỉ đạo đối với các sở, ngành và với các địa phương. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các mục tiêu, kế hoạch Chương trình. Báo cáo xin ý kiến Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng như chỉ đạo kịp thời các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương trong thực hiện Chương trình. Nhìn chung, kết quả quản lý, điều hành thực hiện Chương trình thời gian qua đạt kết quả tốt: đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình, đánh giá về kết quả thực hiện, đề ra các nhiệm vụ chương trình, kế hoạch và giải pháp thực hiện tiếp theo; giải quyết, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh, chất lượng hoạt động của các thành viên Ban Chỉ đạo được nâng lên rõ rệt, sự phối hợp của các cơ quan các cấp, các ngành đồng bộ, chặt chẽ hơn.

Trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, tỉnh chọn 34 xã và 01 huyện (huyện Xuân Lộc) để chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm khi triển khai rộng: tỉnh chọn điểm không chỉ đối với các xã thuận lợi mà cả đối với các xã miền núi, khó khăn và chọn huyện Xuân Lộc là huyện thuần nông, có xuất phát điểm thấp, để vừa phong phú về kinh nghiệm, vừa tạo điểm nhấn trong thực hiện Chương trình. Từ đó, tạo động lực, khích lệ đối với tất cả các địa phương trong tỉnh, tích cực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, tỉnh chọn giải pháp chính yếu, trung tâm để ưu tiên thực hiện: chọn phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập là giải pháp hàng đầu, là cái gốc, là nguồn đầu tư chủ động và ổn định để xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:

a) Công tác truyền thông

Xác định công tác tuyên truyền là một trong những công tác đầu tiên của các mặt công tác, ngay sau khi Chương trình được ban hành, tỉnh đã chủ động triển khai công tác quán triệt nghị quyết đến cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành, các địa phương. Sau đó, các đơn vị tỉnh, các địa phương đã triển khai rộng khắp công tác quán triệt, tuyên truyền Chương trình với nhiều hình thức đa dạng, sâu sắc về nội dung tới cán bộ, đảng viên, hội viên, các thành phần kinh tế và nhân dân trên địa bàn. Toàn tỉnh có 100% cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Chương trình với gần 98% đảng viên tham gia học tập; các tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các cuộc họp dân đã tổ chức trên 45.690 cuộc tuyên truyền Chương trình, với gần 2.175.000 lượt cán bộ, hội viên, các thành phần kinh tế và nhân dân tham gia học tập. Tiếp đó, Chương trình tiếp

tục được tuyên truyền thường xuyên với chủ đề về tiến độ và kết quả thực hiện, cũng như các thông tin mới về cơ chế, chính sách có liên quan đến thực hiện Chương trình. Phương thức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh huyện, truyền thanh xã, trang web địa phương, sở ban ngành; tuyên truyền lưu động...phát hành hàng ngàn các ấn phẩm tuyên truyền như: tài liệu hỏi đáp, pano, áp-phích, tờ rơi, sổ tay nghiệp vụ về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; phối hợp tổ chức phát sóng được hơn 500 bản tin, 362 phóng sự; 276 chuyên đề và 150 tọa đàm; về tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; mở các chuyên mục Bạn Nhà Nông, Cùng nhau ra đồng, Nhịp cầu nhà nông và thực hiện phát sóng được 6.435 tin, 912 phóng sự, 1.642 phỏng vấn; Tổ chức phát thanh được 756 tin, 4.325 bài, nội dung như: Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM; sự tham gia của hệ thống chính trị trong xây dựng NTM; về những chuyển biến của các địa phương sau khi xây dựng NTM; kinh nghiệm và những cách làm hay ở các địa phương trong tham gia xây dựng NTM; việc phát huy vai trò chủ thể của người nông dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở vùng nông thôn; và nhiều tin khác về xây dựng NTM, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.... Ngoài ra, các ngành, đoàn thể và địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động hội thảo; hội thi như “Dân vận khéo”; “Tìm hiểu kiến thức xây dựng nông thôn mới”, đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh tham gia; phát động các cuộc thi sáng tác về đề tài “nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới”, có 116 tác giả tham gia với 457 tác phẩm thuộc các thể loại như thơ ca, văn xuôi (truyện ký), tiểu phẩm sân khấu, ảnh nghệ thuật về nông thôn và hơn 7.000 đầu sách về nông nghiệp, nông thôn được phát hành.

Hưởng ứng cuộc vận động “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã tổ chức lễ phát động “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”; chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương đăng ký thi đua và gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn toàn tỉnh để tổ chức thực hiện. Qua phong trào thi đua đã huy động được mạnh mẽ sức dân vào công cuộc xây dựng NTM. Cũng từ phong trào này, nhiều gương điển hình trong sản xuất, xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, vượt nghèo...đã xuất hiện được tổng kết nhân rộng.

b) Công tác đào tạo, tập huấn

Tổ chức thực hiện soạn thảo và biên tập 86 chuyên đề phục vụ tập huấn cho lực lượng báo cáo viên “hệ thống các đoàn thể, hệ thống Tuyên giáo, Báo, Đài và lực lượng Ban Chỉ đạo, Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp (tỉnh, huyện, xã) và đào tạo cán bộ xây dựng NTM các cấp trong tỉnh. Phối hợp với Trường đào tạo cán bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II – Bộ Nông nghiệp và PTNT, tổ chức tập huấn trực tuyến cho toàn bộ cán bộ ở tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã với số lượng hơn 3.250 người. Ngoài

ra, Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ hàng năm tổ chức các lớp tập huấn đào tạo cán bộ xây dựng NTM cho cán bộ tỉnh, huyện, xã, ấp, nhân dân, hội viên các hội đoàn thể các cấp với 108 lớp cho 39.460 lượt cán bộ. Các lớp tập huấn với các nội dung gắn sát với yêu cầu, tình hình thực tiễn của từng địa phương và từng đối tượng, với các chuyên đề như: Vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội; Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới; Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020; Kỹ năng tổ chức điều hành cuộc họp, xử lý mâu thuẫn và xây dựng sự đồng thuận trong cộng đồng; Nguồn lực xây dựng nông thôn mới và cơ chế, chính sách huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực, khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội; Công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường ở nông thôn; Kinh nghiệm trong vận động xây dựng mô hình sáng - xanh - sạch - đẹp...

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Nguồn lực được tỉnh xác định có vị trí đặc biệt quan trọng, trong thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh nói chung và Chương trình xây dựng nông thôn mới nói riêng. Trong thực hiện Chương trình, tỉnh tập trung huy động tối đa, đồng thời bố trí chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đối với các nguồn lực, để vừa đáp ứng hiệu quả trước mắt, vừa kích thích trở lại, huy động đối với các nguồn lực tiếp theo: xác định rõ yêu cầu mục đích sử dụng cho từng nguồn vốn, phù hợp với thực tế địa phương và yêu cầu đặt ra của Chương trình: Nguồn ngân sách là nguồn vốn dẫn dắt, kích thích huy động đối với nguồn vốn các thành phần kinh tế khác; nguồn vốn tín dụng là nguồn vốn lớn để tập trung phát triển sản xuất; nguồn vốn doanh nghiệp là nguồn vốn quan trọng cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; nguồn huy động đóng góp của người dân thực hiện với vai trò, người dân vừa là chủ thể, vừa là người thụ hưởng Chương trình. Những năm qua, trong xây dựng nông thôn mới, tỉnh không có tình trạng huy động quá sức dân, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2019 là hơn 360.117,252 ngàn tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 36.940,693 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 10,26%.
- + Ngân sách trung ương: 421,283 tỷ đồng, chiếm 0,12%
- + Ngân sách địa tỉnh, huyện, xã: 36.519,410 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 10,14%
- Vốn vay tín dụng (doanh số cho vay xây dựng nông thôn mới): 226.116 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 62,79%.
- Doanh nghiệp: 50.365,160 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 13,98%.
- Nhân dân đóng góp: 46.695,399 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 12,97%.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định

- Tổng số xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh: 133 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 133 xã.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã.

2.1 Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch

Trên địa bàn vùng nông thôn của tỉnh có 126/133 xã xây dựng nông thôn mới có nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới (07 xã xây dựng nông thôn mới không lập Quy hoạch bao gồm: thành phố Biên Hòa có 05 xã (Hiệp Hòa, Tân Hạnh, Tam Phước, Phước Tân, An Hòa); huyện Long Thành 02 xã (Bình Sơn, Phước Thái)). 133/133 xã có nhiệm vụ lập Đề án xây dựng nông thôn mới (03 xã không lập Đề án bao gồm: thành phố Biên Hòa có 2 xã (Hóa An, Long Hưng); huyện Long Thành 1 xã (Suối Trầu))

Kết quả thực hiện đến ngày 30/12/2013: Có 126 xã/126 có nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt Đề án Quy hoạch nông thôn mới, đạt tỷ lệ 100%. 133/133 xã có nhiệm vụ lập Đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt Đề án. Các Đề án quy hoạch, Đề án xây dựng nông thôn mới của các xã đã thực hiện đúng nội dung, đúng quy trình theo hướng dẫn của liên bộ và của tỉnh.

Trên cơ sở Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới, UBND các xã đã thực hiện công bố, công khai quy hoạch theo quy định bằng các hình thức như: tổ chức hội nghị công bố, niêm yết bản đồ quy hoạch nông thôn mới tại trung tâm xã, tại các ấp, cụm dân cư của từng xã, dựng bảng pano công bố quy hoạch tại xã, công khai rộng rãi để người dân được biết và thực hiện. Hàng năm, căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế, UBND các xã đã tổ chức rà soát, bổ sung điều chỉnh kịp thời quy hoạch, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, giúp cho việc tổ chức phát triển sản xuất, đầu tư kết cấu hạ tầng thuận lợi trong từng giai đoạn cụ thể cũng như định hướng phát triển lâu dài.

2.2 Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Xác định đây là yếu tố quan trọng nhất để đổi mới bộ mặt nông thôn, tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân. Tỉnh đã chủ động ban hành kịp thời cơ chế hỗ trợ linh hoạt, xã hội hóa trong đầu tư xây dựng và quản trị các công trình hạ tầng sau đầu tư, phù hợp điều kiện cụ thể của từng vùng để huy động nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực này, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, hầu hết các cơ sở hạ tầng quan trọng như hệ thống điện, giao thông, trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa, hệ thống bảo vệ môi trường của xã, ấp đã có bước phát triển đáng kể, gắn với quá trình đô thị hóa để đảm bảo chủ động sử dụng, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất nguồn vốn đầu tư.

- *Hệ thống giao thông nông thôn* đã phát triển về số lượng và nâng cấp về chất lượng, góp phần tích cực tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư về khu vực nông thôn, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo và giải quyết được nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội, đem lại diện mạo mới, sức sống mới cho vùng nông thôn. Đã thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường (giai đoạn 2011-2015 thực hiện 1.838 km, giai đoạn 2016-2018 thực hiện

1.410,1 km). Ngoài ra còn huy động sức dân triển khai nâng cấp, cứng hoá các tuyến đường thôn xóm, đường nội đồng trên địa bàn toàn tỉnh. 133/133 xã có đường nhựa, bê tông tuyến UBND xã tới UBND huyện, đạt 100% tổng số xã, một số địa phương mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng mức độ trải nhựa, bê tông hóa đường giao thông nông thôn tăng cao: huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu,... Kết quả: tỷ lệ đường trục xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải đạt 100%; tỷ lệ đường trục thôn xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải đạt 100%; tỷ lệ km đường ngõ xóm được cứng hóa, sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%; tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 100%.

- *Hệ thống thủy lợi được tỉnh quan tâm đầu tư nâng cấp và xây dựng mới đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và sinh hoạt dân cư:* trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 119 công trình thủy lợi đang hoạt động (gồm: 15 hồ chứa, 48 đập dâng, 34 trạm bơm, 22 công trình tạo nguồn, ngăn mặn, tiêu thoát lũ), ngoài ra, các hộ dân còn đầu tư hệ thống giếng khoan, giếng đào để phục vụ nhu cầu tưới. Các công trình sau khi hoàn thành được giao cho các đơn vị chức năng quản lý, khai thác đạt hiệu quả tốt. Tổng năng lực phục vụ tưới của các công trình là 19.948,4 ha, cấp nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt 55.925m³/ngày, ngăn mặn và ngăn lũ 9.594 ha.

- *Hệ thống điện đã đến tất cả các xã:* trong những năm qua, tỉnh Đồng Nai tiếp tục tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành đầu tư hệ thống lưới điện nông thôn. Kết quả, hệ thống điện nông thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, lưới điện trung, hạ thế hầu như đã phủ kín các khu vực trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ số hộ có điện trên địa bàn toàn tỉnh đạt cao (năm 2019 đạt 99,9%, tăng 0,97% so với năm 2011); đặc biệt đối với các huyện miền núi Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ vốn là những huyện có nhiều khó khăn trong xây dựng và nâng cấp lưới điện quốc gia trong các năm trước đây.

- *Hệ thống trường học các cấp, mầm non và phổ thông khu vực nông thôn được củng cố và nâng cấp:* thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là xã hội hóa giáo dục, hệ thống trường học các cấp ở nông thôn đã được xây dựng mới, nâng cấp và đạt chuẩn theo quy định. Toàn tỉnh có tỷ lệ trường học khu vực nông thôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất đạt cao (năm 2019 đạt 100%, tăng 71,6% so với năm 2011, trong đó có 41% trường học đạt chuẩn quốc gia). Việc mở thêm các điểm trường học ở các ấp đã tạo điều kiện thuận lợi để học sinh không phải đi học xa, giảm tình trạng học sinh bỏ học nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, hệ thống thông tin truyền thông đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin của dân cư khu vực nông thôn:* các cấp, các ngành của tỉnh đã quan tâm tập trung đầu tư xây dựng và phát triển các cơ sở văn hóa để góp phần nâng cao trình độ dân trí, nâng cao đời sống tinh thần của dân cư nông thôn, phù hợp với chủ trương xây dựng nông thôn mới. Tỷ lệ Trung Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã đạt chuẩn, năm

2019 là 100%, tăng 65,7% so với năm 2011. Tỷ lệ Nhà văn hóa ấp đạt chuẩn theo quy định năm 2018 là 100%, tăng 79% so với năm 2011.

Cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông tiếp tục được tăng cường. 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bưu cục hoặc đại lý, bưu điện văn hóa xã) đảm bảo cho việc cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông; 100% xã có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu phát triển thuê bao cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truy cập internet trên địa bàn xã, ấp. 100% các xã có trạm truyền thanh; 100% ấp có cụm loa truyền thanh. 100% UBND cấp xã sử dụng phần mềm một cửa điện tử eGov để phục vụ cho tổ chức, người dân trong công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh các tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ góp phần nâng cao tri thức người dân nông thôn, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận lợi trong việc tiếp cận hệ thống mạng Internet, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu về thông tin khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, có 100% xã có điểm thông tin khoa học công nghệ.

- *Hệ thống y tế ngày càng hoàn thiện*: hệ thống trạm y tế xã tiếp tục phát triển về cơ sở vật chất cũng như số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ y, bác sĩ được nâng cao. 100% các xã có trạm y tế, trong đó có một số trạm y tế xã được nâng cấp thành phòng khám đa khoa, trung tâm y tế khu vực. 100% xã có trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Ngoài các trạm y tế xã, khu vực nông thôn còn có các cơ sở y tế khác (bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa, phòng khám chữa bệnh đông y). Những huyện có tỷ lệ xã có cơ sở y tế khác đạt khá cao là: Định Quán, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc... Kết quả trên đã đáp ứng cơ bản yêu cầu công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

- *Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*: Toàn tỉnh có 121 chợ nông thôn. Hệ thống chợ về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân khu vực nông thôn. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã tập trung quan tâm hỗ trợ từ ngân sách, đồng thời kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh chợ. Nhìn chung, các chợ nông thôn cơ bản đảm bảo đạt chuẩn theo quy định về diện tích, mặt bằng xây dựng, kết cấu nhà lồng chính, thành lập Ban quản lý, xây dựng nội quy, phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, có đầy đủ hệ thống điện, cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, hệt hổng thu gom rác thải, nước thải đảm bảo vệ sinh chợ...

- *Nhà ở dân cư*: ngoài ngân sách tỉnh, huyện, xã đã hỗ trợ người dân đầu tư xây dựng 204 căn nhà. Song song đó, qua tuyên truyền, vận động đã huy động từ các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp xây dựng mới, sửa chữa hàng ngàn căn nhà tình thương (4.031 căn nhà). Ngoài ra, nhờ đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, nên đại bộ phận cư dân nông thôn có điều kiện để tự chỉnh trang nhà ở. Kết quả, tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng đến cuối năm 2018 đạt 96% tăng 11% so với năm 2011.

2.3 Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp được tỉnh tập trung chỉ đạo: phát triển sản xuất nông nghiệp heo hướng sản xuất nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; nâng cao lợi thế cạnh tranh sản phẩm ngành hàng và toàn ngành nông nghiệp tỉnh. Các cây, con chủ lực đã được sắp xếp và hình thành rõ các vùng sản xuất tập trung: vùng cây chuyên canh, sản phẩm có khả năng xuất khẩu, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương: xoài ở Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc; cà phê ở Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ; tiêu ở Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ; sầu riêng ở Cẩm Mỹ, Long Khánh, Tân Phú; chôm chôm ở Long Khánh; ca cao ở Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú; bưởi ở Vĩnh Cửu, Tân Phú... Tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: Trên địa bàn tỉnh hiện có gần 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật: công nghệ tưới nước tiết kiệm, bón phân qua đường ống (đạt 45.991 ha, gấp 3,66 lần so với năm 2015, chiếm khoảng 33% so với tổng diện tích có nhu cầu áp dụng trên địa bàn tỉnh); sản xuất hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP (573,456 ha); 210 ha diện tích ca cao được chứng nhận UTZ; 282 ha cà phê được chứng nhận 4C; 100% diện tích trồng mới và tái canh đã sử dụng các giống mới, giống có chất lượng cao; có khoảng 50 -70% diện tích cây trồng tùy loại ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); cấp 08 PUC tại địa bàn huyện Xuân Lộc, Định Quán và Thành phố Long Khánh với tổng diện tích 92,05 ha trong đó xoài (70,3 ha xuất sang thị trường Australia), chôm chôm (21,75 ha xuất sang thị trường Mỹ). Hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, hạn chế sử dụng các loại phân bón, thuốc hóa học, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và người sản xuất. Trong thời gian qua đã triển khai nhiều mô hình ứng dụng sản phẩm sinh học và đã được áp dụng trên diện rộng như: Vi khuẩn *Bacillus Thuringiensis*; nấm đối kháng *Trichoderma* sp. phòng trừ các nấm gây bệnh trong đất; Nhân nuôi nấm xanh *M.a* (*Metarhizium anisopliae*) diệt trừ rầy nâu hại lúa và rệp sáp, rệp vảy trên cây ăn trái; nhân thả ong ký sinh *Asecodes hispinarum* để phòng trị bọ cánh cứng hại dừa; nhân thả ong *Anagyrus lopezi* ký sinh để không chế và diệt rệp sáp bột hồng trên cây mì; Ủ phân hữu cơ bằng chế phẩm sinh học; mô hình trồng hồ tiêu theo hướng hữu cơ của hộ dân tại huyện Thống Nhất. Năng suất, sản lượng các loại cây trồng, nhất là cây trồng chủ lực tăng cao so với năm 2011. Đã xây dựng được 18 đơn vị được cấp nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm như: xoài, rau, sầu riêng, điều, chuối, tiêu, gạo, măng cầu na; xây dựng chỉ dẫn địa lý với bưởi Tân Triều và chôm chôm Long Khánh.

Chăn nuôi phát triển đúng hướng (tăng tỷ trọng đàn gà và tiếp tục phát triển chăn nuôi heo, là sản phẩm có giá trị kinh tế cao). Hiện, toàn tỉnh khoảng 2,45 triệu con heo, tăng 88,4% so với năm 2011 (năm 2011 khoảng 1,3 triệu con); hơn 21 triệu con gà, tăng 110% so với năm 2011 (năm 2011 khoảng 10 triệu con)... Chăn nuôi theo mô hình trang trại với quy mô lớn phát triển mạnh, đến nay chăn nuôi trang trại chiếm phần lớn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, trong đó chăn nuôi Heo trang trại chiếm 75% so với tổng đàn Heo; chăn nuôi Gà trang trại chiếm 89% so với tổng đàn Gà. Trong chăn nuôi, đã hình thành nhiều mô

hình sản xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại: nuôi heo trong chuồng lạnh, sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi, mô hình nuôi bò sinh sản, mô hình nuôi gà trên thảm sinh học.

Nuôi trồng và khai thác thủy sản: diện tích nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển, đến nay toàn tỉnh đạt 32.160 ha. Phát triển nhiều loại hình nuôi, đa dạng, áp dụng các công nghệ, mô hình nuôi tiên tiến, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, nhiều mô hình nuôi năng suất cao, tiêu biểu tại các huyện: Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch với đối tượng nuôi chủ lực như: điêu hồng, cá rô đồng, rô phi, chép, lóc, lăng, tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cá chẽm...; tăng cường công tác bảo vệ, tái tạo nguồn lợi và cấm những nghề gây xâm hại nguồn lợi, ảnh hưởng đến đời sống sinh kế của ngư dân.

Về lâm nghiệp: tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng, đẩy mạnh trồng, nâng cao chất lượng rừng, đa dạng sinh học, theo dõi và hướng dẫn các hộ thực hiện có hiệu quả hợp đồng nhận khoán rừng. Kết quả trên đã góp phần giữ vững tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 56%, trong đó, tỷ lệ che phủ rừng 29,76%. So với các tỉnh vùng Đông Nam bộ, Đồng Nai là tỉnh có tỷ lệ che phủ rừng cao nhất.

Từ kết quả phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã thúc đẩy nông nghiệp trên địa bàn phát triển toàn diện theo hướng bền vững. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành (theo giá so sánh 2010) đạt khá, tăng bình quân giai đoạn 2011-2018 là 3,67%.

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo khá tốt việc đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn theo hướng đa dạng hóa về hình thức: Hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp, trang trại, tổ hợp tác (THT), câu lạc bộ (CLB) và nhận thức của người dân đã được thể hiện rõ trong việc tham gia hình thức sản xuất tập thể. Đến nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 140 Hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 37,63% so với tổng số HTX trên toàn tỉnh, tăng gấp 1,89 lần so với năm 2011. Tổng vốn điều lệ đăng ký là 286,154 tỷ đồng với 3.136 thành viên, 2.487 lao động. CLB-THT tiếp tục phát triển, đến nay toàn tỉnh có 1.158 CLB-THT với 31.880 tổ viên, tổng diện tích đất sản xuất 24.973 ha. Chất lượng hoạt động HTXNN, CLB-THT cơ bản được ổn định. Nhìn chung, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các HTXNN tăng dần, năm sau cao hơn năm trước do các HTX đã mạnh dạn mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ cho kinh tế hộ xã viên như dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, thu mua nông sản, mua bán cây con giống, thức ăn gia súc, gia cầm, quản lý công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, nước sạch nông thôn, thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, trồng rừng... góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động khá tăng từ 23% năm 2011 lên 40,71% năm 2019, Hợp tác xã hoạt động trung bình giảm từ 31,01% xuống còn 26,43%. Qua thực tế có một số hợp tác xã tiêu biểu trong lĩnh vực nông nghiệp như: HTX DVNN Suối Lớn; HTX DVNN Tân triều, HTX DVNN Xuân

Định, HTX DVNN Xuân Thanh; HTX Điều An Viễn, HTX DVNN Quyết Tiến...

Kinh tế trang trại phát triển mạnh với số lượng hiện tại 3.261 trang trại. Các trang trại tập trung đầu tư phát triển cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Phát triển kinh tế trang trại là hướng đi đúng đắn giúp người dân phát huy được lợi thế, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Về phát triển chuỗi liên kết đã đạt kết quả tích cực: Hiện trên địa bàn toàn tỉnh có 120 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản. Trong đó, 16 chuỗi liên kết theo dự án cánh đồng lớn được UBND tỉnh phê duyệt, 104 chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với người dân thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm: 16 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ đang hoạt động với 12 doanh nghiệp, 16 HTX tham gia liên kết với tổng diện tích đến cuối kỳ dự án là 5.521 ha, đến nay, đã thực hiện được 3.409 ha, đạt 61,73% so với mục tiêu phát triển diện tích. Các chuỗi liên kết theo dự án cánh đồng lớn được UBND tỉnh phê duyệt tập trung tại các huyện có vùng sản xuất tập trung, có lợi thế cạnh tranh như: huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán và thành phố Long Khánh; 104 chuỗi liên kết đã được các bên tham gia chủ động thực hiện với 48 doanh nghiệp, 30 hợp tác xã, 11 THT, 159 trang trại, 34 cơ sở giết mổ, thu gom tham gia thực hiện, trong đó có: 51 chuỗi trồng trọt với tổng diện tích là 8.757,2 ha, 15 chuỗi chăn nuôi, 03 chuỗi thủy sản với diện tích là 29,2 ha; 01 chuỗi sản xuất Yến tại huyện Định Quán với sản lượng 60 kg/năm, 01 chuỗi sản xuất nấm ăn tại huyện Xuân Lộc với sản lượng 4.000 tấn/năm, 33 chuỗi có cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn thực phẩm với 13 doanh nghiệp, 05 hợp tác xã, 95 trang trại, 02 THT và 34 cơ sở giết mổ tham gia

Hoạt động của các cơ sở ngành nghề nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực: hiện trên địa bàn tỉnh có trên 9.681 cơ sở ngành nghề nông thôn, trong đó chia làm 6 nhóm như sau: (1) chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; (2) sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ; (3) xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; (4) sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; (5) gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh; (6) xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

- Cùng với thực hiện tái cơ cấu, đẩy mạnh phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ có bước phát triển, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập dân cư và đã có sự đóng góp nhất định cho phát triển kinh tế nông thôn: cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn hiện có 9.306 cơ sở; cơ sở công nghiệp chế biến, chế biến nông sản phẩm được quan tâm: có số lượng cơ sở nhiều hơn so với các cơ sở chế biến khác (2.731 cơ sở), sản xuất đồ gỗ 1.202 cơ sở, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan 245 cơ sở, công nghiệp chế biến cao su và plastic 169 cơ sở.... Cụm công nghiệp được quy hoạch với 27 cụm, trong đó 14 cụm có dự án hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm

với tổng số dự án là 194 dự án. Hoạt động thương mại dịch vụ nông thôn được phát triển, góp phần mở rộng sản xuất nông thôn. Trên địa bàn tỉnh có trên 2.023 cơ sở sản xuất và kinh doanh vật tư nông nghiệp. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp phát triển góp phần tạo ra những sản phẩm, dịch vụ cần thiết thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn. Hiện có 125 chợ ở khu vực nông thôn đang hoạt động; điểm nổi bật, tỉnh xây dựng chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây và đã đi vào hoạt động, góp phần tạo tiền đề trong việc phân phối, tiêu thụ nông sản cho nông dân trên địa bàn và khu vực.

- Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được quan tâm triển khai với những giải pháp sáng tạo, phù hợp với thực tế đặt ra trên địa bàn. Tỉnh ban hành Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Công tác đào tạo nghề đã được đổi mới rõ nét, chuyển mạnh từ đào tạo nghề có trình độ thấp sang đào tạo nghề có trình độ cao, gắn chặt đào tạo nghề với giải quyết việc làm, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, yêu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu chung về thị trường lao động. Giai đoạn 2011-2019 đã tổ chức chiêu sinh và dạy nghề cho 54.886 lao động nông thôn, trong đó có 24.668 người học nghề phi nông nghiệp chiếm 44,94% và 30.218 người học nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp chiếm 55,06%.

- Thời gian qua, tỉnh đã tập trung thực hiện quyết liệt công tác giảm nghèo với nhiều chủ trương, giải pháp, mô hình hiệu quả: mô hình hỗ trợ giống phát triển sản xuất, hỗ trợ làm đường giao thông, hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học, mô hình giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ, nông dân đoàn kết làm giàu, giảm nghèo bền vững...; thực hiện dự án đào tạo nghề cho người nghèo, dự án khuyến nông cho hộ nghèo, mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo theo quy định; vận động xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 6,62% năm 2011, đến nay còn 0,09%.

Kết quả đã góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập đời sống người dân nông thôn: thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 đạt 51,59 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 2,28 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 22,63 triệu đồng/người/năm).

2.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

Sự nghiệp phát triển giáo dục, y tế, văn hóa vùng nông thôn có sự chuyển biến tích cực, rõ nét: về giáo dục, công tác dạy và học được đổi mới và nâng cao chất lượng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn, thu hút giáo viên về công tác ở vùng nông thôn. Tỷ lệ huy động trẻ vào nhà trẻ đạt 33,3%, trẻ vào mẫu giáo đạt 91,3%; Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1 luôn được duy trì, giữ vững đạt 100%. Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ mức độ 1, đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1. Đã có 100% số xã đạt tiêu chí về giáo dục. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe người dân được nâng cao một bước, 100% trạm y tế xã được bố trí bác sỹ khám và điều trị ban đầu, quan tâm chính sách hỗ trợ tài chính đối với các trạm y tế xã, triển khai cơ sở y tế sáng, xanh, sạch, đẹp. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế được tăng cao, đạt 86,5%, tăng 30,62% so với năm 2011. Đời sống văn hóa,

tinh thần người dân nông thôn có bước phát triển, hoạt động văn hóa với nhiều mô hình phong phú, thiết thực. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư được đông đảo người dân tích cực tham gia hưởng ứng. Phong trào đã có tác động tốt, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, khơi dậy lòng nhân ái, ý thức đoàn kết cộng đồng và tinh thần tự quản trong từng khu dân cư. Phong trào xây dựng Gia đình văn hóa; mô hình phòng, chống bạo lực gia đình được duy trì và mở rộng: hầu hết các ấp đều có nhóm phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động, câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững; 100% trạm y tế xã có điểm tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình; 96,4% số ấp đạt chuẩn văn hóa, tăng 7,92% so với năm 2011, 98,78% gia đình đạt chuẩn văn hóa, tăng 2,03% so với năm 2011.

Vệ sinh môi trường nông thôn: Tập trung đầu tư các công trình cung cấp nước sạch cho hộ dân với nhiều nguồn vốn được huy động, nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân. Hiện trên địa bàn tỉnh có 105 công trình cấp nước tập trung nông thôn, công suất thiết kế là 11.209 m³/ngày đêm, cùng với việc hỗ trợ của ngân sách nhà nước, việc tuyên truyền vận động các hộ dân lắp đặt thiết bị lọc nước nhỏ lẻ, đến nay, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 72,8%, tăng 30,66% so với đầu năm 2011. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tỉnh đặc biệt chú trọng: tập trung tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân, các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú (tập huấn, hội thi, hội thảo, hội nghị, phóng sự, bài viết trên báo, băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ rơi, pano, xe hoa diễu hành, road show...). Nội dung tuyên truyền tập trung vào quảng bá và giới thiệu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm an toàn để kết nối với các công ty, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, ... nhằm đưa sản phẩm sạch, an toàn đến người tiêu dùng; đồng thời chú trọng tuyên truyền về những vấn đề đang gây bức xúc xã hội mất an toàn thực phẩm như chất cấm trong chăn nuôi, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau, củ, quả, việc sử dụng phụ gia, hóa chất bảo quản ngoài danh mục cho phép trong chế biến, kinh doanh thực phẩm. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực an toàn thực phẩm. Nhìn chung, các doanh nghiệp, cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh thực phẩm đã ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm an toàn; nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về việc sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh, vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm góp phần cung cấp sản phẩm sạch và an toàn đến tay người tiêu dùng, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện được 287 điểm bày bán sản phẩm an toàn với giới thiệu đến người tiêu dùng các loại sản phẩm chủ lực của tỉnh như thịt heo, thịt gà, trứng, sản phẩm chế biến từ thịt, rau quả và nấm, đồng thời đã hình thành được 33 chuỗi sản phẩm an toàn thực phẩm với 13 doanh nghiệp, 05 hợp tác xã, 95 trang trại, 02 THT và 34 cơ sở giết mổ tham gia. Hiện toàn tỉnh có 60.665 cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, sơ chế nhỏ lẻ, kinh doanh nhỏ lẻ ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn. Rác thải trên địa bàn nông thôn được tổ chức thu gom, xử lý, giảm thiểu đáng kể tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Điểm nổi bật trong xử lý môi trường, tỉnh đã khuyến khích, huy động nguồn vốn

từ các thành phần kinh tế, đầu tư các nhà máy xử lý rác thải tập trung tại một số huyện nhằm bảo vệ tốt môi trường nông thôn (huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Trảng Bom...). Đến nay, có 100% xã có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn đạt 98%; 100% trạm y tế xã thực hiện quản lý chất thải y tế.

2.5. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

- Cấp ủy Đảng các cấp đã được củng cố, tăng cường, nâng cao rõ nét về chất lượng hoạt động, nhất là đối các cơ sở Đảng ở nông thôn luôn đóng vai trò là hạt nhân chính trị và là nhân tố quyết định cho việc thực hiện nghị quyết, tập trung đổi mới phương thức, nội dung hoạt động, giữ vững nguyên tắc sinh hoạt, phát huy tốt vai trò người đứng đầu tổ chức đảng, cơ quan đơn vị, phát huy dân chủ rộng rãi trong toàn thể nhân dân. Trên cơ sở đó đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khá tốt nhiệm vụ về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phát triển một cách toàn diện, thể hiện được vai trò lãnh đạo của chi bộ tại cơ sở. Bộ máy chính quyền cơ sở được chú trọng củng cố, hoàn thiện, điều hành theo pháp luật; tập trung cụ thể hóa và tổ chức thực hiện khá tốt các nhiệm vụ xây dựng phát triển nông nghiệp, nông thôn, như: tuyên truyền phổ biến pháp luật, huy động các nguồn lực; xây dựng và thực hiện hương ước xóm ấp..., góp phần rõ nét thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng khu vực nông thôn. Đội ngũ cán bộ cơ sở được kiện toàn, củng cố cả về số lượng, chất lượng, đặc biệt về chất lượng từng bước được nâng cao: Cán bộ chuyên trách: 97,59% có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, 94,16% đạt chuẩn về trình độ chính trị; Công chức: 100% đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, 84,42% đạt chuẩn về trình độ chính trị. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính: 100% cơ quan hành chính thực hiện việc tiếp nhận, luân chuyển, theo dõi, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp thông qua cổng thông tin điện tử, các sở ngành đã áp dụng dịch vụ công mức độ 3,4 để giải quyết cho người dân và doanh nghiệp thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua tin nhắn SMS...

- Mặt trận và đoàn thể các cấp đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tham gia thực hiện các nhiệm vụ liên quan: phát động nhiều phong trào và tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, toàn thể nhân dân tham gia thực hiện: Phong trào nông dân sản xuất giỏi, đã thúc đẩy, động viên, hỗ trợ nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần quan trọng phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống; phong trào toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới, đã khơi dậy, huy động mạnh mẽ sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; phong trào 5 không, 3 sạch của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; phong trào đền ơn, đáp nghĩa; đồng thời, với vai trò tuổi trẻ xung kích, Tỉnh đoàn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức 11 hội thi tuyên truyền về nông thôn mới và các giải pháp xây dựng nông thôn mới tại 11 huyện, thị xã và thành phố; thực

hiện các công trình thanh niên như: “Nhà nhân ái”, “Thắp sáng ngõ hẻm”, “Ngày chủ nhật xanh”, làm đường, cầu giao thông nông thôn...

- Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Xác định công tác quốc phòng – an ninh là một trong yếu tố quan trọng đảm bảo phát triển bền vững trên địa bàn. Nhiệm vụ quốc phòng – an ninh trên địa bàn thời gian qua luôn được tỉnh quan tâm trong chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện: chỉ đạo Công an, Quân đội ở các cấp xây dựng và ban hành kế hoạch của ngành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện. Xây dựng nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đổi mới nội dung, phương pháp công tác nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nắm tình hình, dự báo tình hình, chủ động phát hiện, ngăn ngừa, xử lý kịp thời âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, hạn chế thấp nhất những vụ việc phát sinh. Triển khai, phát động và thực hiện tốt phòng trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Điểm nổi bật trong công tác này, đã hình thành được 41 mô hình tự quản về an ninh trật tự, các mô hình hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực: tiếng kèng an ninh, thức cho dân ngủ yên, tổ tự quản an ninh, móc khóa an ninh, câu lạc bộ hoàn lương, camera an ninh, đặc biệt là mô hình Quỹ doanh nhân với an ninh trật tự... Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh những năm qua luôn được đảm bảo ổn định góp phần phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

V. KẾT QUẢ XÂY DỰNG CẤP HUYỆN NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH

1. Số huyện/thành phố/thị xã đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định

- Tổng số huyện/thành phố/thị xã trên địa bàn tỉnh: 11.
- Tổng số huyện/thành phố/thị xã đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 11.
- Tỷ lệ huyện/thành phố/thị xã đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 100%.

2. Một số kết quả xây dựng nông thôn mới của các huyện

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng huyện được tập trung triển khai thực hiện đối với 08/09 huyện (trừ huyện Nhơn Trạch). Đến nay, hồ sơ quy hoạch vùng của 04 huyện đã được phê duyệt, 04 huyện còn lại đang tích cực, chủ động phối hợp các sở, ngành tỉnh đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

- **Giao thông:** Đã tập trung huy động nhiều nguồn lực để đầu tư. Đến nay, tỷ lệ nhựa hóa và bê tông hóa đường huyện quản lý đạt 100%. Các tuyến đường đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn, cấp kỹ thuật của đường huyện đạt tiêu chuẩn theo quy định, phù hợp với quy hoạch được duyệt. Các tuyến đường sau đầu tư, ngoài quản lý khai thác đạt hiệu quả khá tốt, việc duy tu, sửa chữa được quan tâm. Duy trì hoạt động tốt các

bến xe trên địa bàn các huyện, bố trí các điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện có các tuyến vận tải hành khách công cộng theo quy hoạch, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân địa phương.

- **Thủy lợi:** trên địa bàn toàn tỉnh có 18 công trình thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên), được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt. Các công trình thủy lợi liên xã đều do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh, Ban Quản lý và khai thác các công trình thủy lợi các địa phương quản lý, điều hành, khai thác. Hàng năm, đơn vị quản lý chủ động phối hợp tốt với chính quyền địa phương, xây dựng kế hoạch cung cấp nước, lịch bơm tưới cụ thể cho từng vùng sản xuất. Việc bơm tưới, dẫn nước phục vụ sản xuất đã được vận hành, thực hiện đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng hợp lý, đáp ứng khá tốt nhu cầu phát triển sản xuất của người dân. Để đáp ứng, phục vụ sản xuất của người dân, bên cạnh việc quản lý, khai thác đảm bảo thực hiện đúng quy trình vận hành và phương án bảo vệ công trình thủy lợi, tỉnh luôn quan tâm duy tu, sửa chữa kịp thời các công trình hư hỏng, xuống cấp, đảm bảo công trình luôn hoạt động an toàn, hiệu quả.

- **Điện:** Hệ thống điện trung thế liên xã được đầu tư đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn, đảm bảo nhu cầu sử dụng điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các huyện.

- **Về Trường học:** hệ thống Trường THPT trên địa bàn các huyện được tỉnh quan tâm đầu tư xây mới, sửa chữa, nâng cấp về cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đáp ứng cơ bản tốt yêu cầu dạy và học. Có 18/49 Trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 36,7%.

- **Về cơ sở vật chất văn hóa:** 09/09 huyện đều có Trung Văn hóa – Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định: có bố trí các phòng làm việc cho lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn; hội trường đa năng, nhà tập luyện thể thao, sân vận động, các công trình phụ trợ. Các Trung tâm văn hóa thể thao huyện đều được trang bị âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, trang phục đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn; trang bị các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao...

- **Về Y tế:** tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng cả về cơ sở vật chất và đội ngũ y bác sỹ đối với Trung tâm y tế và Bệnh viện các huyện. Trên địa bàn tỉnh, có 07/09 huyện thực hiện việc sáp nhập Trung tâm y tế và Bệnh viện huyện. Các Trung tâm y tế huyện đều đạt chuẩn quốc gia, các bệnh viện đều đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III trở lên, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu khám và điều trị bệnh cho người dân.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các huyện thời gian qua được phát triển theo đúng định hướng, sản xuất

theo quy mô hàng hóa lớn. Triển khai các chương trình phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hỗ trợ nông dân xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả. Tỉnh quy hoạch 139 vùng chăn nuôi tập trung với tổng diện tích 15.722,7 ha và các vùng sản xuất cánh đồng lớn đối với 19 loại cây trồng trên tổng diện tích 159.783 ha. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung như sau:

- Về lĩnh vực chăn nuôi: có 670 trang trại hoạt động trong vùng quy hoạch tại 100/139 vùng quy hoạch, số lượng trang trại trong vùng quy hoạch tăng 470 trang trại so với thời điểm quy hoạch (thời điểm quy hoạch có 200 trang trại trong vùng). Số lượng trang trại trong vùng quy hoạch chiếm 30,41% tổng số trang trại trên địa bàn các huyện có quy hoạch; chiếm 29,75 số trang trại trên địa bàn toàn tỉnh. Hạ tầng vùng chăn nuôi tập trung được quan tâm đầu tư: xây dựng 210,7 km đường giao thông trục chính và nhánh, 213,2 km đường điện trung thế, 166 km đường điện hạ thế. Các huyện triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng tương đối tốt có thành phố Long Khánh, Thống Nhất, Xuân Lộc; đồng thời tiến hành tổ chức cắm mốc phân định ranh giới được 03 vùng quy hoạch chăn nuôi (xã Suối Nho và xã Phú Tân - huyện Định Quán; xã Bàu Cạn - huyện Long Thành).

- Về lĩnh vực trồng trọt: Chính sách về phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực, xây dựng chuỗi liên kết theo cánh đồng lớn, phát triển hình thức tổ chức sản xuất đã thúc đẩy nhanh quá trình hình thành các vùng sản xuất tập trung đối với một số sản phẩm chủ lực của tỉnh và đặc sản của địa phương trên tổng diện tích 49.628 ha (đạt 31,05% so với quy hoạch): Hồ tiêu 11.163 ha, tập trung ở các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú, Xuân Lộc, Trảng Bom, Thống Nhất và thành phố Long Khánh; Cà phê 6.648 ha, tập trung ở các huyện Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom và thành phố Long Khánh; Điều 12.096, tập trung ở các huyện Tân Phú, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom và thành phố Long Khánh; Cây lúa 3.950 ha tập trung ở các huyện Cẩm Mỹ, Định Quán, Long Thành, Tân Phú, Vĩnh Cửu; Bắp 9.461 ha, rau 2.814 ha, tập trung ở các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú, Thống Nhất; Sầu riêng 2.675 ha, tập trung ở Cẩm Mỹ, Tân Phú, Xuân Lộc và thành phố Long Khánh; Xoài 4.550 ha, tập trung ở Định Quán, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc; Chôm chôm 7.379 ha, tập trung ở Xuân Lộc, Thống Nhất và thành phố Long Khánh; Bưởi 1.706 ha, tập trung ở Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc, Thống Nhất; Chuối 4.812 ha, tập trung ở Thống Nhất, Trảng Bom.

- Về lĩnh vực thủy sản: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được 08 vùng sản xuất thủy sản tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP ở các xã: Trà Cỏ (Tân Phú) 35ha, sản lượng 150 tấn tôm càng xanh/năm; Vĩnh Thanh (Nhơn Trạch) 8,34ha, sản lượng 1.700 tấn tôm thẻ chân trắng/năm; Phú Ngọc (Định Quán) 5,38ha, sản lượng 1.700 tấn cá lóc, cá rô/năm; Thiện Tân (Vĩnh Cửu) 51,3ha, sản lượng 1.500 tấn cá tra/năm; Bảo Hòa (Xuân Lộc) 8,25 ha, sản lượng 252 tấn cá Rô phi, trắm, cá rô đồng/năm; Vĩnh An (Vĩnh Cửu) 3.400 m³ bè nuôi, sản lượng 150 tấn cá Lăng, cá lóc/năm; Ngọc Định (Định Quán) 16,6 ha; sản lượng

3.512 tấn cá rô phi, cá sặc rằn, cá lóc, cá rô đồng/năm; Phú Điền (Tân Phú) 12,83 ha, sản lượng 160 tấn cá rô phi, trắm, chép, trôi/năm.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

- Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa: cùng với việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, trang bị về cơ sở vật chất cho các trường học, cơ sở y tế, trung tâm văn hóa, đạt chuẩn theo quy định, công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học, công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe và hoạt động văn nghệ thể dục, thể thao luôn được các huyện quan tâm thực hiện, đời sống tinh thần người dân được nâng cao rõ rệt. Các Trung tâm Văn hóa được quản lý khai thác với nhiều nội dung hoạt động ngày càng phong phú, thiết thực: tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng cấp huyện, liên hoan đờn ca tài tử, tổ chức giải đấu thể dục, thể thao.... tạo hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi nổi trên địa bàn huyện, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của người dân địa phương.

- Về bảo vệ môi trường: Các huyện đã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp và sinh hoạt thông thường cũng như chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn: thực hiện thí điểm phân loại rác sinh hoạt tại nguồn, quy hoạch các điểm trung chuyển rác, trang bị thùng rác công cộng, mua sắm phương tiện vận chuyển rác, phục vụ cho hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt của người dân; lắp đặt thùng chứa, phục vụ việc thu gom, vận chuyển, xử lý 100% bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; 100% chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định. Các chất thải rắn được tập trung xử lý tại các nhà máy xử lý rác, hạn chế việc xử lý bằng hình thức chôn lấp. Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được các khu xử lý rác thải tập trung tại các huyện: Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Định Quán, Cẩm Mỹ... Nhìn chung, các nhà máy xử lý rác thải tập trung đều thực hiện đảm bảo các yêu cầu, quy định về hồ sơ, thủ tục môi trường. Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ trên địa bàn các huyện đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có đề án, cam kết hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định, xây dựng hệ thống thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất.

2.5. Về đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội

Hàng năm, các cấp ủy Huyện đều xây dựng Nghị quyết, UBND các huyện ban hành Kế hoạch về đảm bảo công tác an ninh trật tự. Hàng năm, Công an các huyện thực hiện đầy đủ chương trình, kế hoạch của Công an tỉnh về công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội, công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc gắn với công tác dân vận trong xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTO. Triển khai các biện pháp nghiệp vụ, chủ động nắm tình hình, thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch, đấu tranh trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; thường xuyên xây dựng củng cố phát triển lực lượng dân phòng, tổ an ninh nhân dân...Lực lượng công an từ huyện đến xã đã phát huy vai trò tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức huy động sức mạnh của cả hệ thống

chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự. Trong các năm qua, trên địa bàn các huyện không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với các năm liền kề trước. Nhìn chung, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn các huyện cơ bản được ổn định, giữ vững.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Đồng Nai xây dựng nông thôn mới, với tinh thần chủ động, quyết tâm, quyết liệt, trước, trong thực hiện. Kết quả đến nay, tỉnh đã hoàn thành 133/133 (100%) xã đạt chuẩn nông thôn mới, 11/11 (100%) đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, về trước 02 năm so với mục tiêu ban đầu tỉnh đặt ra. Kết quả Chương trình đạt được quan trọng trên, có ý nghĩa lớn tạo dấu ấn trong cuộc cách mạng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Trung ương, với nhiều điểm nổi bật, góp phần đáng kể vào sự phát triển chung của tỉnh. Bộ mặt nông thôn trên địa bàn có sự chuyển biến tích cực đổi mới rõ nét: sản xuất phát triển ổn định, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, kết nối giữa các trung tâm, hệ thống trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, hệ thống y tế đạt chuẩn, môi trường sinh thái có bước cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Trung ương giảm mạnh từ 6,22% năm 2011, đến nay xuống chỉ còn 0,09%, an ninh trật tự chính trị được giữ vững, đời sống vật chất tinh thần người dân khu vực nông thôn được nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 đạt 51,59 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 2,8 lần so với đầu năm 2011, năm đầu thực hiện Chương trình. Đồng Nai giữ vững là một trong những tỉnh đi đầu cả nước về xây dựng nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa thật bền vững; các xã vùng saau, vùng xa cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm, công nghiệp, thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng còn thấp; chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ, mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch phát triển chưa mạnh, thị trường tiêu thụ, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa thật sự ổn định; việc xây dựng và phát triển thương hiệu, giải quyết đầu ra cho nông sản hàng hóa có thể mạnh của tỉnh còn hạn chế.

- Nông thôn đã có bước đổi mới và phát triển nhưng cảnh quan môi trường một số nơi chưa thật sự sáng – xanh – sạch – đẹp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn có bước phát triển, nhưng chưa mang tính hiện đại; hoạt động hệ thống nhà văn hóa, nhất là nhà văn hóa ấp hiệu quả nhìn chung chưa cao. Công tác duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư còn chưa được thường xuyên, kịp thời.

- Một số địa phương tuy đạt chuẩn, nhưng có tiêu chí chất lượng, tính bền vững chưa cao, tiêu chí đạt được mới xấp xỉ ở mức quy định (tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi); an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn còn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, nhất là các vùng khu công nghiệp tập trung, các khu vực dịch vụ phát triển, khu vực dọc các tuyến đường quốc lộ.

- Đời sống của người nông dân tuy được cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn thấp so với tiềm năng, nhất là đối với những hộ thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thuần túy. Ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực sản xuất, chăn nuôi vẫn còn, xử lý rác sinh hoạt trong khu dân cư còn nhiều khó khăn, cấp nước sạch sinh hoạt tập trung còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa.

- Vai trò chủ thể của người dân ở một số nơi chưa nhận thức đầy đủ về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong xây dựng nông thôn mới nên việc tham gia vẫn còn hạn chế, chưa huy động được tối đa các nguồn lực ở cộng đồng dân cư.

2.2. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan:*

+ Do tác động ảnh hưởng tình hình kinh tế chung của thị trường thế giới như giá cả nguyên vật liệu đầu vào, giá sản phẩm tiêu thụ, đặc biệt hàng hóa nông sản chưa thật sự ổn định; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

+ Điểm xuất phát ở một số địa phương xây dựng nông thôn mới còn thấp sản xuất chủ yếu là thuần nông, đời sống thu nhập người dân còn thấp, hạ tầng kinh tế - xã hội còn khó khăn (Tân Phú, Định Quán).

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước tuy đã được quán triệt trong hệ thống chính trị các cấp từ tỉnh đến huyện, xã, nhưng có nơi có lúc chưa được thường xuyên, liên tục, nhất là giai đoạn đầu; chưa được phong phú, đa dạng; chưa kịp thời đổi mới nội dung so với thực tiễn đặt ra dẫn đến nhận thức đối với một số bộ phận cán bộ, đảng viên, người dân chưa thật sự sâu sắc và đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên việc tham gia còn hạn chế, còn trông chờ vào nhà nước.

+ Việc cụ thể hóa ban hành cơ chế, chính sách trên địa bàn, tuy đã được quan tâm nhưng có nội dung còn chưa kịp thời, đồng bộ, nhất là công tác hướng dẫn thực hiện của cơ quan chức năng.

+ Mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh dài, khối lượng lớn, trong khi đó vốn ngân sách cũng còn hạn hẹp, việc bố trí còn chậm, nhất là nguồn vốn bố trí cho công tác duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư, việc huy động sức mạnh của toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

+ Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, có địa phương chưa quyết liệt, đồng bộ, chưa có giải pháp hiệu quả, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ còn yếu, việc triển khai một số chương trình, đề án, quy hoạch, cơ chế, chính sách vẫn còn chậm.

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn còn thiếu; đặc biệt là cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông cơ sở. Công tác đào tạo nghề chưa thật sự gắn chặt giữa đào tạo với quản lý, sử dụng lao động tại chỗ.

3. Bài học kinh nghiệm

- *Một là*, phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, để thực sự khích lệ được người dân, người dân thấy rõ vai trò, ý nghĩa của Chương trình, là cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện đối với vùng nông thôn; thấy rõ được vai trò chủ thể, trách nhiệm và cùng Nhà nước chung tay thực hiện. Nội dung tuyên truyền phải thường xuyên, kịp thời, phù hợp, sát với tình hình thực tiễn đặt ra (các chủ trương, chính sách mới, tiến độ thực hiện Chương trình, những chỉ đạo cần thực hiện tiếp theo); hình thức tuyên truyền phải phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, từng khu vực.

- *Hai là*, tập trung chăm lo phát triển sản xuất: phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với phát triển công nghiệp và ngành nghề nông thôn để nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân nông thôn, coi đây là cái gốc để xây dựng nông thôn mới. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật theo định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch; phát triển, mở rộng các mô hình liên kết gắn chặt giữa sản xuất với tiêu thụ để phát triển sản xuất bền vững. Song song phát triển nông nghiệp, chú trọng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; để công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ trở lại phục vụ nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn.

- *Ba là*, sự vào cuộc tích cực, đồng bộ của cả hệ thống chính trị; trong đó cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đặc biệt là phát huy vai trò chủ thể của người dân và vai trò của Ban phát triển ấp trong lãnh đạo cộng đồng, khơi dậy, phát huy tiềm năng, sức mạnh cộng đồng, thay đổi tư duy, nhận thức của người dân, dẫn dắt cộng đồng vượt qua những khó khăn, thử thách. Có vậy Chương trình mới đảm bảo duy trì sự ổn định, tăng cường sự phát triển bền vững.

- *Bốn là*, phải chọn bước đi, giải pháp phù hợp: xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm mang tính đột phá và đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp thực tế của từng địa phương để chỉ đạo tập trung thực hiện. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm chủ động tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

- *Năm là*, trong thực hiện phải với tinh thần chủ động sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt. Việc huy động sức dân phải có phương án cụ thể, được bàn bạc, công khai tạo sự đồng thuận cao trong dân. Đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới theo phương châm "Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết". Việc sử dụng nguồn lực vào các công trình

công cộng phải được dân chủ và thống nhất, có sự giám sát của cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch. Thực hiện tốt công tác cán bộ, đánh giá và khích lệ đúng mức đối với cán bộ làm tốt, cũng như thay thế kịp thời đối với những cán bộ không đủ khả năng đảm nhận nhiệm vụ.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH

1. Quan điểm

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên tất cả các mặt, theo hướng ổn định và bền vững. Gắn chặt xây dựng nông thôn mới với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Xây dựng nông thôn mới gắn chặt với việc giữ gìn và phát triển, phát huy bản sắc văn hóa của nông thôn vùng Đông Nam Bộ nói chung và nông thôn Đồng Nai nói riêng.

Xây dựng, phát triển nông thôn mới gắn chặt với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, dịch vụ phải thực sự hỗ trợ trở lại cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị văn minh,

2. Mục tiêu

Giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, tập trung thực hiện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đảm bảo Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh luôn phát triển ổn định và bền vững. Trước mắt, phấn đấu đến năm 2020:

- Có 30% xã nông thôn mới nâng cao, 01 đến 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Nâng cao thu nhập bình quân đầu người lên 60 triệu đồng/người/năm; cơ bản xóa được hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới của Trung ương); nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực nông thôn đạt 65% (trong đó qua đào tạo nghề 50%).

3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Căn cứ vào mục tiêu đề ra, tỉnh đề ra một số nội dung, giải pháp chủ yếu nâng chất các tiêu chí nông thôn mới, thực hiện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu như sau:

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc nội dung Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và hệ thống các chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân để từng cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là người đứng đầu các tổ chức, các cơ quan và người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong công tác tuyên truyền, vận động, quán triệt và tổ chức thực hiện phải xác định rõ mục tiêu cao nhất là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất,

tinh thần của dân cư nông thôn trên cơ sở công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn phải xác định đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà; phải làm cho mọi người dân nông thôn nhận thức một cách sâu sắc coi việc phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân giữ vai trò chủ thể trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, nhằm tạo nền tảng vững chắc góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo yêu cầu thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà. Để công tác tuyên truyền, vận động có hiệu quả cần chú trọng lấy từ điển hình thực tế sinh động, mô hình tốt, có hiệu quả để tuyên truyền, vận động, thuyết phục cùng chung tay, góp sức xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn, lấy sức dân để chăm lo cho lợi ích của dân.

Đồng thời, công tác tuyên truyền vận động phải đạt được yêu cầu: không để bất kỳ cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội nào và người nông dân nào đứng ngoài cuộc trong xây dựng nông thôn mới.

3.2. Rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch

Tiếp tục triển khai việc thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện nhằm tổ chức định hướng không gian vùng huyện, làm cơ sở lập các dự án quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn xã, liên xã và huyện. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới theo Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ để thống nhất các quy hoạch ngành và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu quốc gia, quốc tế.

Bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông thôn gắn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường; bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng huyện, các quy hoạch chuyên ngành khác, bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt.

3.3. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn

- Tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới giao thông nông thôn, hệ thống điện để phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân, nhất đối với vùng sâu, vùng xa, khu sản xuất tập trung; đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương (đặc biệt là kênh mương nội đồng).

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn quốc gia; củng cố và nâng cao chất lượng các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm ở khu vực nông thôn; huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non;

- Củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở; nâng cấp các Trung tâm y tế, trạm y tế; đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tập trung nâng cấp và xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất văn hóa gắn với hoàn thiện tổ chức, đào tạo cán bộ, chính sách chế độ và nâng cao trình độ nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hoạt động;

- Phát triển mạng lưới chợ nông thôn theo quy hoạch nông thôn mới, theo Đề án phát triển thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính tại cấp xã.

3.4. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

- Tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản, ưu tiên trước hết cho các sản phẩm chủ lực. Triển khai thực hiện tốt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, hình thành, phát triển các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, với cơ cấu sản xuất hiệu quả, đáp ứng yêu cầu 4 có: “có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ, có hiệu quả cao”;

Chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao;

Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp bảo quản, chế biến, công nghiệp chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ sử dụng nhiều lao động và nguyên vật liệu tại chỗ.

- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã:

+ Tiếp tục hỗ trợ kinh tế hộ phát triển gắn với liên kết nông dân với nông dân (liên kết ngang) và liên kết nông dân - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị (liên kết dọc, liên kết 4 nhà) tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, đảm bảo chất lượng, có quy mô sản phẩm lớn, giải quyết đầu ra ổn định cho sản phẩm;

+ Hỗ trợ cho các trang trại được hưởng các chính sách đầu tư, tín dụng theo quy định hiện hành; tăng cường đầu tư khoa học công nghệ cho các trang trại; giúp các trang trại trong việc xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường; tăng cường tốt công tác tập huấn nâng cao trình độ quản lý trang trại; thực hiện tốt các chính sách bảo hộ tài sản đã đầu tư của trang trại; chính sách vệ sinh môi trường....

+ Tăng cường quán triệt việc nhận thức và thực hiện về đường lối, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Sớm hoàn thành việc chuyển đổi các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Luật Hợp tác xã năm 2012; xây dựng và có biện pháp nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về đất đai, tài

chính – tín dụng đối với hợp tác xã nông nghiệp; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; chính sách khuyến nông, khuyến công, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ; chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ thành lập mới và củng cố hợp tác xã nông nghiệp...

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, thực hiện đầy đủ các chính sách để xây dựng và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác như Tổ hợp tác (THT), Câu lạc bộ (CLB), Liên hiệp các câu lạc bộ...

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, hình thành chuỗi cung ứng nông sản thông qua mô hình “cánh đồng lớn”. Thực hiện đồng bộ các giải pháp: Quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình GAP, gắn với công nghệ sơ chế biến, bảo quản đáp ứng với yêu cầu của sản xuất; cải tiến kỹ thuật, nhất là về giống; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của các hiệp hội, công ty, hợp tác xã, mô hình kinh tế hợp tác, nhóm sản xuất cùng ký kết hợp đồng tiêu thụ giữa người nuôi, trồng; đại diện nhóm người nuôi, trồng, các tổ chức kinh tế hợp tác của nông dân với các doanh nghiệp thu mua, chế biến tiêu thụ các sản phẩm; hỗ trợ xây dựng chuỗi thực phẩm sạch từ trang trại đến bàn ăn; ban hành cơ chế chính sách phù hợp và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đã có của Trung ương và địa phương cho các đối tượng liên quan theo quy định. Xây dựng chính sách đặc thù của địa phương; ban hành chính sách tăng cường quản lý đầu ra sản phẩm, tạo áp lực từ cộng đồng người tiêu dùng, phương tiện thông tin đối với người sản xuất nhằm tạo ra các sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm làm cơ sở cho mô hình liên kết doanh nghiệp-nông dân phát triển;

+ Triển khai và thực hiện tốt Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo bước phát triển mới đối với nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

+ Chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, coi việc nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm là khâu đột phá đặc biệt quan trọng để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển;

+ Tăng cường và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu, dịch vụ khoa học, công nghệ của Nhà nước; đổi mới cơ chế tài chính và quản lý khoa học để nâng cao hiệu quả các đề tài, dự án khoa học, khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của doanh nghiệp vào nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ trong nông nghiệp;

+ Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp, tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

3.5. Phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo ở tất cả các cấp theo hướng xã hội hóa; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục;

- Huy động các nguồn lực cho sự phát triển văn hóa nông thôn gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; lồng ghép Chương trình mục tiêu về văn hóa, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao ở cơ sở; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, bài trừ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân;

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh ở các trạm y tế xã. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường;

- Đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi rừng; vận động các tổ chức, nhân dân trồng cây phân tán và thực hiện canh tác nông lâm bền vững trên nương rẫy; tiếp tục tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải tập trung tại các xã, trên cơ sở xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý rác thải phù hợp với điều kiện của từng xã, ưu tiên hỗ trợ trước cho các xã đồng bằng và ven đô thị; phát động rộng rãi phong trào “nhà sạch - vườn đẹp - môi trường trong lành - ngõ xóm văn minh”. Cải tạo, phát triển nhanh cảnh quan, môi trường nông thôn xanh sạch đẹp, nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế và nâng cao hưởng thụ cho người dân vùng nông thôn.

3.6. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, quan tâm đầu tư đúng mức đối với cơ sở dạy nghề và đội ngũ giáo viên dạy nghề;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và lồng ghép hoặc gắn kết với các chương trình, dự án, đề án như: vay vốn, khuyến nông, khuyến công, giảm nghèo bền vững... nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai”;

- Điều tra để đào tạo nghề theo nhu cầu; đào tạo nghề gắn với thị trường sử dụng lao động; gắn đào tạo với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức quản lý và dạy nghề;

- Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở các địa phương về giải quyết việc làm cho lao động địa phương, tăng cường tuyên truyền để thu hút lao động nông thôn đến làm việc tại các khu công nghiệp.

3.7. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn

Củng cố và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Xây dựng xã là địa bàn có an ninh chính trị được giữ vững, không để xảy ra tụ tập, khiếu kiện đông người; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; xây dựng lực lượng công an và dân quân tự vệ vững mạnh.

3.8. Tập trung giữ vững và nâng cao chất lượng của địa phương đạt chuẩn nông thôn mới

- Tập trung giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được trên địa bàn tất cả các xã;

- Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới, tập trung thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, nâng cao chất lượng các tiêu chí nhất là các tiêu chí liên quan đến thu nhập, giảm nghèo, an sinh xã hội, môi trường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất văn hóa trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa ngày càng cao của cư dân nông thôn;

- Đối với các huyện đạt chuẩn nông thôn mới, ngoài việc chỉ đạo giữ vững, nâng cao chất lượng các xã trên địa bàn, cần tập trung hình thành quy hoạch sản xuất cấp huyện; tổ chức liên kết sản xuất – tiêu thụ trong sản xuất nông nghiệp (theo mô hình cánh đồng lớn) trên địa bàn; đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật thuộc huyện quản lý; xây dựng hệ thống chính trị cấp huyện vững mạnh.

- Tiếp tục thực hiện tốt 02 Đề án: xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện (huyện Trảng Bom) và xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (huyện Xuân Lộc).

3.9. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp

- Xây dựng cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể khu vực nông thôn vững mạnh đi đôi với tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, quyết liệt của các cấp ủy đảng; sự điều hành của nhà nước; sự vào cuộc của các cấp, các ngành, đoàn thể bằng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Trong chỉ đạo cần quán triệt quan điểm quyết liệt nhưng phải kiên trì, thường xuyên, lâu dài;

- Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính, để nhận được ủng hộ và phát huy vai trò chủ thể của nông dân và dân cư nông thôn;

- Kiện toàn tổ chức ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn, trước hết là các tổ chức dịch vụ công như khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất

lượng nông sản, quản lý vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở trên địa bàn nông thôn;

- Củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn; tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp.

Trên đây là báo cáo Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2019 của tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD NN, ND, NT và XDNTM tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Lưu: VT, KTN

CHỦ TỊCH